

Bản án số: 102/2019/DS-ST

Ngày: 25 -11-2019.

V/v quyền về lỗi đi qua.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh
2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2017/TLST - DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp quyền về lỗi đi qua”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136 /2019/QĐXXST - DS, ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- 1.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968;
 - 1.2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1970;
- Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.
Ông T, bà L cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976.
Địa chỉ: khu phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

- 2.1. Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1963
 - 2.2. Lê Thị H, sinh năm 1968
 - 2.3. Nguyễn Văn C, sinh năm 1986
 - 2.4. Nguyễn Văn C1, sinh năm 1987
 - 2.5. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1994
- Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1992
- Địa chỉ: 31 , đường số 20, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Anh P, ông B, bà H có mặt; anh C, anh C1, anh T1 vắng mặt không lý do, chị T2 xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Văn P là đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:

Phần đất của ông T, bà L thuộc thửa 277, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.162,3m² được cấp QSD đất vào năm 2012, để đi ra lộ công cộng ông T, bà L phải đi qua đất của hộ ông B thuộc thửa 464, tờ bản đồ số 17 do hộ ông B đang quản lý, sử dụng, qua thửa đất số 291, tờ bản đồ số 18 của chị Nguyễn Ngọc T2 thì đến lộ ấp.

Trong đơn khởi kiện nay ông T, bà L yêu cầu ông B, bà H, anh C, anh C1, anh T1 mở lối đi cho ông bà có diện tích 45m², thuộc thửa 671, 643, 649, tờ bản đồ số 10 (thửa mới VLAP là 298 tờ bản đồ số 17) do hộ ông B được cấp QSD đất. Tại tòa đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn C1, anh Nguyễn Văn T1. Nay ông T, bà L chỉ yêu cầu ông B, bà H, mở lối đi cho ông bà có diện tích 43,9m², thuộc thửa 464, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông B, bà H đang quản lý, sử dụng, theo kết quả đo đạc. Chiều cao của lối đi nguyên đơn yêu cầu 03 m.

Đường đi này gia đình ông T đi khoảng hơn 20 năm nay. Khoảng tháng 9/2017 ông B và bà H rào đường không cho gia đình ông T, bà L đi trên lối đi này, lý do là ông B cho rằng gia đình ông bị người khác cắt lông gà, đập mứt măng, ném hột gà vào cống nước nhưng không bắt gặp ai làm. Ngoài đường đi này ông T, bà L không còn đường đi nào khác. Hiện nay, ông T, bà L phải bơi xuống để ra lộ đál. Trước đây, khi ông B rào không cho đi thì ông T, bà L bơi xuống qua phần đất của ông X cặp rạch hiện nay là đất của chị T2 thì ra lộ chung (đất chị T2 đứng tên) và đến lộ ấp, nay phần đất cặp rạch bị rào lại toàn bộ nên ông T, bà L phải bơi xuống ra đến cầu đál (lộ đi chung) ra lộ chung (đất chị T2 đứng tên) và đến lộ ấp. Anh thống nhất kết quả đo đạc, định giá. Ông T, bà L sẽ bồi thường giá trị đất và cây trồng cho ông B, Bà H theo giá của hội đồng định giá. Đối với cây cầu đál mà nguyên đơn bắt qua nương có một phần nằm trên đất của bị đơn nếu tòa không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì nguyên đơn cũng không yêu cầu bị đơn trả lại giá trị do cầu đã cũ. Phần đường đi ông B, bà H đồng ý cho nguyên đơn đi cặp rạch, ngang 0,6m là không phù hợp do rạch sâu, hòm, lối đi nhỏ quá nên nếu tôn tạo lối đi này thì quá tốn kém nên anh giữ nguyên yêu cầu của nguyên đơn. Anh không yêu cầu đo đạc phần ông B, bà H cho đi.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng B trình bày:

Ông không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Phần đất mà nguyên đơn yêu cầu mở lối đi qua có nguồn gốc của cha mẹ ông để lại cho vợ chồng ông. Ông quản lý canh tác từ lúc nhỏ, đến năm 1985 thì cho ông và bà H ở canh tác quản lý sử dụng đến năm 1991 thì cho luôn và đóng thuế đến giờ, và có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Ông hiện nay có sổ đất của phần đất đang canh tác, phần đất đang tranh

chấp cạp rạch có được cấp quyền sử dụng đất hay chưa thì ông không biết. Đây là tài sản của vợ chồng ông không có liên quan gì đến các con của ông.

Cách nay khoảng 04 năm thì gia đình ông T, bà L tự đi trên đất ông không có xin nhưng thấy ông T, bà L không có đường đi nên cho. Lúc đó đi như hiện trạng đo đạc. Khoảng năm 2017 gia đình ông bị người khác cắt lông gà, đập mọt mặng, ném hột gà vào cống nước không bắt gặp được ai, nhưng do hộ ông T đi trên đất này nên mới xảy ra sự việc nêu trên. Nên ông và bà H rào đường không cho gia đình ông T, bà L đi trên lối đi này nữa. Ngoài đường đi này ông T, bà L còn đường đi khác một là đi bơi xuống ra lộ đāl đi lên lộ đāl, ra lộ ấp, hai là bắc cầu qua rạch đến đất chị T2 đi ra lộ đāl, ra lộ ấp, nay chị T2 rào cạp rạch. Ba là bắc cầu qua đất của ông H1 qua cầu ngay cửa ông H1 qua đất bà T4, rồi qua đất ông N đi ra lộ (ngược lại đất chị T2), hoặc đi ngược lại đất chị T2 đi ra lộ đāl ra lộ ấp. Nếu ông T, bà L muốn đi thì ông và bà H cho đi trên phần đất ngay cạp rạch chứ không phải như nguyên đơn yêu cầu, chỉ cho đi chỉ với chiều ngang là 0,6m, chiều dài hết đất ra đến lộ, trên đất này có cây trồng thì phải bồi thường, muốn đi đường rộng hơn thì kẻ rạch thêm mà đi. Nhưng nếu sau này mất mát tài sản mà bắt gặp thì không cho đi luôn. Ông không yêu cầu đo đạc phần cho đi vì ai yêu cầu mở lối đi thì người đó yêu cầu và chịu chi phí. Ông thống nhất kết quả đo đạc, định giá.

Bị đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Hoàng B. Đất này có nguồn gốc của cha mẹ ông B để lại cho vợ chồng bà. Hiện nay vợ chồng bà đang canh tác, quản lý sử dụng, hiện nay có được cấp QSD đất hay chưa thì bà không biết. Đây là tài sản của vợ chồng bà. Tài sản này không liên quan đến các con. Bà thống nhất kết quả đo đạc, định giá. Bà cũng đồng ý cho nguyên đơn đi như lời ông B trình bày. Bà không yêu cầu đo đạc phần cho đi vì ai yêu cầu mở lối đi thì người đó yêu cầu và chịu chi phí.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc T2 trình bày:

Thửa đất 291 tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại ấp T, xã H là do chị nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn X vào ngày 11/5/2018. Khi nhận chuyển nhượng từ ông X thì ông X không có thông báo cho chị biết về việc ông X tự nguyện cho hộ ông T đi ngang qua phần đất của ông X. Phần mặt đāl phía trước là đường đi của nhiều hộ gia đình phía bên trong nên chị đồng ý tiếp tục cho hộ ông T đi ngang. Phần đường đi cạp kênh do hộ ông T tạm thời chưa có lối đi nên trước đây chị cho đi tạm để chờ kết quả của Tòa án đối với phần đường đi hộ ông T khởi kiện hộ ông B. Chị không cho đi luôn phần đường đi này. Nếu trong thời gian cho đi tạm mà hộ ông T có hành động gây thiệt hại về tài sản phần đất của chị thì chị không tiếp tục cho đi tạm nữa. Do điều kiện chị bận làm ăn xa nên yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt chị trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án. Phần đường đi tạm cạp kênh chị có ý kiến lại do hộ ông T đi tạm ngang đất chị mà không hỏi ý kiến của chị nên chị xin thay đổi không tiếp tục cho đi tạm.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn anh P; bị đơn ông B, bà H chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn anh C, anh C1, anh T1 chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 170, 202, 203 Luật đất đai, Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị H mở lối đi qua bất động sản liền kề, có diện tích 43,9 m², thuộc một phần thửa đất số 464 tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, đường đi có chiều cao 03 m. Ghi nhận các nguyên đơn tự nguyện bồi thường giá trị phần đất được mở lối đi theo giá của Hội đồng định giá với số tiền 43,9m² x 80.000 đồng/m² = 3.512.000 đồng, giá trị cây trồng với là 1.500.000đồng/01cây dừa x 05 cây = 7.500.000 đồng và 150.000 đồng/01 bụi tre x 01= 150.000 đồng. Buộc ông B, bà H di dời 01 cây dừa mới trồng theo biên bản xem xét thẩm định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Quyền về lối đi qua” được quy định tại điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 và điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Phần đất đang yêu cầu mở lối đi thuộc thửa đất số 464, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013, điểm a khoản 1 điều 35, điểm c khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc T2 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T2 là phù hợp.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập xét xử 02 lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T1 là phù hợp.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu đối với anh Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T1. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền các nguyên đơn là phù hợp theo nên Hội đồng xét

xử căn cứ Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với anh C, anh C1, anh T1 là phù hợp.

[4] Về nội dung vụ án: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/3/2018, phần đất các nguyên đơn đang sử dụng muốn đến lộ công cộng để có lối đi phải qua phần đất thuộc thửa đất số 464, tờ bản đồ số 17 của ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị H. Do đó, các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi trên thửa đất 464 có diện tích 43,9m², chiều ngang, chiều dài theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 30/5/2019, chiều cao giới hạn là 03m, tọa lạc ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Nguyên đơn đồng ý bồi thường theo giá Hội đồng định giá đã định giá. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng B, bà Nguyễn Thị H không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì ngoài lối đi nguyên đơn yêu cầu còn lối đi khác. Ngoài ra, trong quá trình đi trên đất của bị đơn nguyên đơn có hành vi phá tán tài sản của bị đơn. Trường hợp nguyên đơn muốn đi trên thửa 464 thì bị đơn cho đi trên phần đất cặp rạch có chiều ngang 0,6m tính từ mé rạch vào, chiều dài hết đất ra đến lộ, trên đất có cây trồng thì phải bồi thường, nguyên đơn có thể kè rạch để có lối đi rộng hơn. Nhưng nếu phát hiện nguyên đơn có hành vi phá tán tài sản của bị đơn thì sẽ không cho đi. Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 30/5/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày Bắc xác định phần lối đi nguyên đơn yêu cầu thuộc 01 phần thửa 464, tờ bản đồ số 17 tọa lạc ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Ông B, bà H thống nhất phần đất này có nguồn gốc của cha mẹ ông B cho là tài sản của vợ chồng ông B, bà H không liên quan đến anh Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1 là các con ông bà. Tại văn bản số 1392/PTNMTĐĐ ngày 04/11/2019 của Phòng tài nguyên và Môi trường huyện M thì diện tích 43,9m² nguyên đơn yêu cầu mở lối đi (thuộc 01 phần thửa 464) theo hồ sơ địa chính được lập theo Chỉ thị số 299/TTg là thuộc một phần thửa 657, tờ bản đồ số 10 do ông Nguyễn Hoàng B kê khai và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có cơ sở xác định ông B, bà H là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng, canh tác phần đất tranh chấp. Trên phần đất nguyên đơn yêu cầu mở lối đi hiện có 05 cây dừa loại 1, 01 cây dừa mới trồng có thể đi dời được, 01 bụi tre. Bị đơn Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị H cho rằng ngoài phần đất của bị đơn thì nguyên đơn còn có 03 lối đi khác: lối đi thứ nhất là nguyên đơn bơi xuồng trên rạch ra lộ đal qua đất chị Nguyễn Ngọc T2 ra lộ ấp. Lối đi thứ 2 là bắt cầu qua đất của chị T2, đi trên đất chị T2 ra lộ đal. Lối đi thứ 3 là bắt cầu qua đất anh H1, qua đất bà T1, ông N ra lộ (đi ngược lại đất bà T2) hoặc đi ngược lại đất chị T2 ra lộ đal, ra lộ công cộng. Tòa án đã tiến hành xác minh, làm việc với chị Nguyễn Ngọc T2 thì chị T2 chỉ đồng ý cho đi trên lộ đal để ra lộ ấp, còn phần đất phía trong cặp rạch đôi diện đất nguyên đơn thì chị không cho đi, qua xem xét hiện nay phần đất cặp rạch chị T2 đã rào bằng dây chì gai (bung). Đối với anh H1 thì cho rằng trước đây nguyên đơn có đi trên đất của anh nhưng do xảy ra mâu thuẫn tranh chấp đất đai nên nguyên đơn đã đi trên đất ông B ra lộ công cộng, anh không cho nguyên đơn đi trên các phần đất của anh vì hai bên đã xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy, phần đất của nguyên đơn đã bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề mà không có lối đi ra đường

công cộng. Hiện nay, nguyên đơn phải bơi xuống ra cầu lên lộ đāl (phần đất của chi T2) để ra lộ công cộng. Việc nguyên đơn di chuyển bằng cách bơi xuống là không đảm bảo quyền lợi cho người có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản khác. Đối với các lối đi mà bị đơn cho là lối đi khác như bắt cầu qua đất chi T2 hay đất anh H1 đều rất tốn kém và những chủ sử dụng đất đều không đồng ý cho đi. Đối với lối đi mà bị đơn cho nguyên đơn đi cặp kênh, qua xem xét thấy rằng trên phần đất này có nhiều hõm sâu do cặp rạch, rạch do nhà nước quản lý không thể làm bờ kè, bị đơn cho đi với chiều ngang 0,6m là nhỏ nên không thể đảm bảo điều kiện cho nguyên đơn đi trên phần đất này. Ngoài ra, năm 2011, các nguyên đơn có bắt cầu đāl đi trên phần đất của bị đơn là lối đi mà nguyên đơn đang yêu cầu mở lối đi, bị đơn cho rằng các nguyên đơn không hỏi nhưng gia đình bị đơn không ngăn cản nên đây cũng là căn cứ để xác định chủ sử dụng quyền sử dụng đất vào thời điểm đó là ông B và bà H đã đồng ý để các nguyên đơn đi trên phần đất này không có ý kiến nào khác. Ngoài ra, gia đình bị đơn còn cho rằng do trong quá trình đi trên lối đi cũ thì phía gia đình các nguyên đơn có hành vi phá tán tàn sản nên nay ông B, bà H không đồng ý cho các nguyên đơn mở lối đi trên thửa đất này. Thấy rằng, đối với hành vi này của gia đình các nguyên đơn thì sẽ được pháp luật bảo vệ gia đình các bị đơn và hành vi này sẽ được xử lý đúng quy định pháp luật nếu có căn cứ. Từ những nhận định trên, thấy rằng lối đi nguyên đơn đi qua phần đất của bị đơn là thuận tiện, phù hợp, đảm bảo ít thiệt hại cho các bên. Nên chấp nhận yêu cầu mở lối đi của nguyên đơn là phù hợp. Ngoài ra, để thuận tiện cho việc lưu thông cũng như đảm bảo quyền lợi của các đương sự cần giới hạn chiều cao từ mặt đất lối đi lên khoảng không gian 03m là phù hợp. Do đó, buộc ông B và bà H phải mở lối đi có chiều ngang, chiều dài theo bản vẽ, giới hạn chiều cao của lối đi 03m là phù hợp. Trong trường hợp mở lối đi trên phần đất của ông B, bà H sẽ gây thiệt hại cho ông B, bà H nhưng việc ông B, bà H bị thiệt hại đã được các nguyên đơn tự nguyện bồi thường bằng toàn bộ giá trị phần đất mà các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi và phần cây trồng trên đất. Tổng giá trị mà ông T, bà L phải bồi thường cho ông B, bà H bằng: Giá trị đất: $43,9m^2 \times 80.000 \text{ đồng}/m^2 = 3.512.000 \text{ đồng}$. Giá trị cây trồng: 05 cây dừa loại 1 $\times 1.500.000 \text{ đồng}/01 \text{ cây} = 7.500.000 \text{ đồng}$. + 01 bụi tre $\times 150.000 \text{ đồng}/01 \text{ bụi} = 150.000 \text{ đồng}$; tổng cộng 7.650.000 đồng. Ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị H có nghĩa vụ di dời 01 (một) cây dừa mới trồng theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/3/2018.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ mở lối đi theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L nên ông B, bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng.

[6] Đối với chi phí tố tụng: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông B, bà H phải nộp, do các nguyên đơn đã tạm ứng nộp xong nên buộc các bị đơn ông B, bà H có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho các nguyên đơn.

[7] Xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc về việc chấp nhận yêu cầu mở lối đi của các nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 217, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 171, 202, 203 Luật Đất đai,

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L đối với anh Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T1 về việc mở lối đi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L.

Buộc ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị H phải mở lối đi qua bất động sản liền kề có diện tích 43,9m², thuộc thửa 464, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre

Có tứ cận:

Phía Bắc: giáp thửa 277 dài 1,36m.

Phía Nam: giáp đường bê tông dài 1,24m.

Phía Đông: giáp rạch dài 12,37m + 10,34m + 11,70m.

Phía Tây: giáp phần còn lại thửa 464 dài 12,42m + 10,23m + 11,79m.

Đường đi có chiều cao 03 m.

(Có họa đồ kèm theo)

Buộc ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị H sử dụng hạn chế diện tích đất mà bà Trần Thị L, ông Trần Văn T sử dụng làm lối đi và buộc bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn T thực hiện đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất theo quy định tại Điều 171 và Điều 95 của Luật đất đai.

Buộc ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị H di dời 01 (một) cây dừa mới trồng theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/3/2018.

2. Ghi nhận bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị H giá trị phần đất mở lối đi với số tiền là 3.512.000 (Ba triệu năm trăm mười hai nghìn) đồng.

3. Ghi nhận bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị H giá trị cây trồng trên đất với số tiền là 7.650.000 (Bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

4. Chi phí tố tụng tổng cộng là 1.185.000 (một triệu một trăm tám mươi lăm nghìn) đồng. Do nguyên đơn bà L, ông T đã nộp nên ông B, bà H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông T, bà L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị H phải liên đới nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng cho bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn T theo biên lai thu số 0008981 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

6. Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên

